

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu năm 2016

I. Kết quả thực hiện

1. Tổng hợp chung về kết quả thực hiện hoạt động đấu thầu năm 2016

1.1. Việc lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu thuộc dự án sử dụng vốn trong nước:

Năm 2016, các đơn vị thuộc Ủy ban Dân tộc thực hiện lựa chọn nhà thầu cho 13 gói thầu thuộc dự án sử dụng vốn trong nước do Trung tâm Thông tin thực hiện, chia theo hình thức lựa chọn nhà thầu như sau:

* Đấu thầu rộng rãi trong nước

- Số gói thầu: 04 gói thầu
- Tổng giá trị: 23.494 triệu đồng
- Tổng giá trúng thầu: 23.458 triệu đồng
- Tỷ lệ tiết kiệm qua đấu thầu: 35 triệu đồng, tương ứng tỷ lệ 0,15%
- Phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu: Phương pháp giá thấp nhất

* Chỉ định thầu

- Số gói thầu: 9 gói thầu
- Tổng giá trị: 840,76 triệu đồng
- Tổng giá trúng thầu: 840,76 triệu đồng
- Tỷ lệ tiết kiệm qua chỉ định thầu: 0 %

1.2. Việc lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu thuộc dự toán mua sắm thường xuyên:

Năm 2016, các đơn vị thuộc Ủy ban Dân tộc thực hiện lựa chọn nhà thầu thực hiện 65 gói thầu thuộc dự toán mua sắm thường xuyên, trong đó:

* Đấu thầu rộng rãi:

- Số gói thầu: 02
- Tổng giá trị: 8.500 triệu đồng
- Tổng giá trúng thầu: 8.256 triệu đồng

- Tỷ lệ tiết kiệm qua đấu thầu: 244 triệu đồng, tương ứng tỷ lệ 2,87%
- Phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu: Phương pháp giá thấp nhất
- * Chỉ định thầu
 - Số gói thầu: 44 gói thầu
 - Tổng giá trị: 2.188,38 triệu đồng
 - Tổng giá trúng thầu: 2.184,87 triệu đồng
 - Tỷ lệ tiết kiệm qua chỉ định thầu: 3,51 triệu đồng, tương đương tỷ lệ 0,16%
- * Mua sắm trực tiếp
 - Số gói thầu: 06 gói thầu
 - Tổng giá trị: 352,7 triệu đồng
 - Tổng giá trúng thầu: 352,7 triệu đồng
 - Tỷ lệ tiết kiệm qua chỉ định thầu: 0%

1.3. Việc lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu thuộc dự án sử dụng vốn ODA:

Năm 2016, Ủy ban Dân tộc có 33 gói thầu thuộc 03 dự án sử dụng vốn ODA do các Ban Quản lý dự án nâng cao năng lực bình đẳng giới vùng dân tộc thiểu số, Ban Quản lý tiểu dự án chính sách dân tộc và Tiểu ban Quản lý dự án Hỗ trợ giảm nghèo PRPP thực hiện.

- * Đấu thầu hạn chế trong nước:
 - Số gói thầu: 01
 - Tổng giá trị: 602 triệu đồng
 - Tổng giá trúng thầu: 600 triệu đồng
 - Tỷ lệ tiết kiệm qua đấu thầu: 2 triệu đồng, tương ứng tỷ lệ 0,33%
 - Phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu: Tuyển tư vấn cá nhân dựa trên lý lịch khoa học
- * Chỉ định thầu
 - Số gói thầu: 24 gói thầu
 - Tổng giá trị: 2.023,7 triệu đồng
 - Tổng giá trúng thầu: 1.680,7 triệu đồng
 - Tỷ lệ tiết kiệm qua chỉ định thầu: 343 triệu đồng, tương đương tỷ lệ 16,45%
- * Chào hàng cạnh tranh

- Số gói thầu: 01 gói thầu
- Tổng giá trị: 71 triệu đồng
- Tổng giá trúng thầu: 59,6 triệu đồng
- Tỷ lệ tiết kiệm qua chỉ định thầu: 11,4 triệu đồng, tương đương 16,06%

* Mua sắm trực tiếp

- Số gói thầu: 7 gói thầu
- Tổng giá trị: 329.84 triệu đồng
- Tổng giá trúng thầu: 173.84 triệu đồng
- Tỷ lệ tiết kiệm qua chỉ định thầu: 156 triệu đồng, tương đương 47,3%

2. Công tác phổ biến, quán triệt việc thực hiện Luật Đấu thầu năm 2013, Nghị định số 63/2014/NĐ-CP và các Thông tư hướng dẫn

Sau khi Chính phủ ban hành Nghị định 63/2014/NĐ-CP hướng dẫn Luật đấu thầu, tháng 12 năm 2014, Ủy ban Dân tộc đã tổ chức tập huấn hướng dẫn các đơn vị thuộc Ủy ban quy trình thực hiện trình, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư và kế hoạch lựa chọn nhà thầu cho đối tượng là thủ trưởng, kế toán và chuyên viên phụ trách kế hoạch của các đơn vị dự toán thuộc Ủy ban Dân tộc.

3. Tình hình thực hiện việc đăng tải thông tin trong đấu thầu và lựa chọn nhà thầu qua mạng

Năm 2016, Văn phòng Ủy ban Dân tộc đã thực hiện đăng ký thông tin của đơn vị trên mạng đấu thầu quốc gia với tư cách là bên mời thầu và đã thực hiện đăng tải thông báo mời thầu trên mạng đấu thầu quốc gia. Các đơn vị còn lại vẫn thực hiện đăng tải thông tin trên Báo Đấu thầu, ngoài ra, các dự án sử dụng vốn ODA đăng tuyển tư vấn trên website của UNDP.

Do các gói thầu của Ủy ban dân tộc có quy mô nhỏ nên các đơn vị thuộc Ủy ban Dân tộc chưa thực hiện việc lựa chọn nhà thầu qua mạng.

4. Tình hình phân cấp trong đấu thầu

Ủy ban Dân tộc chưa thực hiện phân cấp trong đấu thầu.

5. Năng lực của đội ngũ cán bộ tham gia hoạt động đấu thầu

Chuyên viên tham gia hoạt động đấu thầu của Ủy ban Dân tộc đã tham gia khóa học đấu thầu và được cấp chứng chỉ.

6. Kết quả thanh tra, kiểm tra về đấu thầu:

Năm 2016, Ủy ban Dân tộc chưa tổ chức kiểm tra, thanh tra chuyên đề về công tác đấu thầu.

7. Công tác giải quyết kiến nghị và xử lý vi phạm về đấu thầu

Không có

8. Đánh giá chung về năng lực, kinh nghiệm các nhà thầu trúng thầu và tiến độ triển khai các gói thầu trên địa bàn.

Các nhà thầu trúng thầu có năng lực và kinh nghiệm nên triển khai các gói thầu đúng cam kết trong hợp đồng, đảm bảo chất lượng và tiến độ.

II. Đánh giá việc thực hiện hoạt động đấu thầu năm 2016

Các đơn vị thuộc Ủy ban Dân tộc đã thực hiện công tác đấu thầu theo quy định hiện hành. Qua công tác đấu thầu năm 2016 cho thấy các nhà thầu có năng lực và kinh nghiệm (có kinh nghiệm về lĩnh vực tham gia đấu thầu trên 5 năm) khi triển khai sẽ đảm bảo chất lượng, tiến độ và đạt yêu cầu của chủ đầu tư.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu năm 2016 của Ủy ban Dân tộc gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư. *MS*

Nơi nhận: *JS*

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ trưởng, Chủ nhiệm (để b/c);
- Công TTĐT UBNDT;
- Lưu VT, KHTC. 4

**KT. BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
THỨ TRƯỞNG, PHÓ CHỦ NHIỆM**



Lê Sơn Hải



BÁO CÁO TỔNG HỢP KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU
DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NHÀ NƯỚC NĂM 2016 THEO QUY ĐỊNH TẠI
KHOẢN 1*, KHOẢN 2 VÀ KHOẢN 4 ĐIỀU 1 LUẬT ĐẦU THẦU SỐ 43/2013/QH13
(Kèm theo Báo cáo số 18/BC-UBND, ngày 20 tháng 02 năm 2017 của Ủy ban Dân tộc)

Đơn vị: Triệu đồng

LĨNH VỰC VÀ HÌNH THỨC	Dự án quan trọng quốc gia do QH chủ trương đầu tư (1)				Dự án nhóm A (2)				Dự án nhóm B (3)				Dự án nhóm C (4)				Tổng (1 + 2 + 3 + 4)			
	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch
I. THEO LĨNH VỰC ĐẦU THẦU																				
1. Phi tư vấn	KQM												1	3.750,00	3.740,00	10,00	1	3.750,00	3.740,00	10,00
2. Tư vấn	QM												9	840,76	840,76	0,00	9	840,76	840,76	0,00
3. Mua sắm hàng hóa	KQM												3	19.744,02	19.718,05	25,97	3	19.744,02	19.718,05	25,97
4. Xây lắp	QM																			
5. Hỗn hợp	KQM																			
6. Hỗn hợp	QM																			
Tổng cộng I													13	24.334,78	24.298,81	35,97	13	24.334,78	24.298,81	35,97
II. THEO HÌNH THỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU																				
1. Rộng rãi	Trong nước	KQM											4	23.494,02	23.458,05	35,97	4	23.494,02	23.458,05	35,97
	Quốc tế	QM																		
2. Hạn chế	Trong nước	KQM																		
	Quốc tế	QM																		
3. Chỉ định thầu	Trong nước												9	840,76	840,76	0,00	9	840,76	840,76	0,00
	Quốc tế																			
4. Chào hàng cạnh tranh	Trong nước	KQM																		
	Quốc tế	QM																		
5. Mua sắm trực tiếp	Trong nước																			
	Quốc tế																			
6. Tự thực hiện	Trong nước																			
7. Đặc biệt	Trong nước																			
	Quốc tế																			
8. Tham gia thực hiện của cộng đồng	Trong nước																			
Tổng cộng II													13	24.334,78	24.298,81	35,97	13	24.334,78	24.298,81	35,97

Ghi chú: Sở liên tổng hợp tại Biểu này bao gồm các gói thầu sử dụng vốn đối ứng trong dự án ODA
 * Riêng đối với các gói thầu sử dụng nguồn mua sắm thường xuyên quy định tại điểm đ và các điểm đ, e, g khoản 1 Điều 1 Luật Đầu thầu năm 2013 thì không báo cáo tại Biểu này mà báo cáo tại Biểu 2.2
 KQM: Lựa chọn nhà thầu thông thường (không thực hiện qua mạng)
 QM: Lựa chọn nhà thầu qua mạng



BÁO CÁO TỔNG HỢP KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU
GÓI THẦU MUA SẮM SỬ DỤNG NGUỒN VỐN MUA SẮM THƯỜNG XUYÊN NĂM 2016 THEO
QUY ĐỊNH TẠI ĐIỂM D, Đ, E VÀ G KHOẢN 1 ĐIỀU 1 LUẬT ĐẦU THẦU SỐ 43/2013/QH13
(Kèm theo Báo cáo số : 18/BC-UBND, ngày 20 tháng 02 năm 2017 của Ủy ban Dân tộc)

Đơn vị: Triệu đồng

LĨNH VỰC VÀ HÌNH THỨC		Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch
I. THEO LĨNH VỰC ĐẦU THẦU					
1. Phi tư vấn	KQM	1	2.500,00	2.500,00	-
	QM				-
2. Tư vấn		14	100,83	100,83	-
3. Mua sắm hàng hóa	KQM	43	12.327,51	12.070,83	256,68
	QM				-
4. Xây lắp	KQM	7	1.070,25	1.070,25	-
	QM				-
Tổng cộng I		65	15.998,59	15.741,91	256,68
II. THEO HÌNH THỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU					
1. Rộng rãi	Trong nước	2	8.500,00	8.256,00	244,00
	Quốc tế				-
2. Hạn chế	Trong nước				-
	Quốc tế				-
3. Chỉ định thầu	Trong nước	44	2.188,38	2.184,87	3,51
	Quốc tế				-
4. Chào hàng cạnh tranh	Trong nước	13	4.957,51	4.948,34	9,17
	Quốc tế				-
5. Mua sắm trực tiếp	Trong nước	6	352,70	352,70	-
	Quốc tế				-
6. Tự thực hiện	Trong nước				-
7. Đặc biệt	Trong nước				-
	Quốc tế				-
8. Tham gia thực hiện của cộng đồng	Trong nước				-
Tổng cộng II		65	15.998,59	15.741,91	256,68

Ghi chú: Số liệu tổng hợp tại Biểu này bao gồm gói thầu dùng vốn đối ứng trong dự án ODA đã được cân đối trong nguồn chi thường xuyên

KQM: Lựa chọn nhà thầu thông thường (không thực hiện qua mạng)

QM: Lựa chọn nhà thầu qua mạng



Biểu 03

**BÁO CÁO TỔNG HỢP KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU
DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA NHÀ TÀI TRỢ NĂM 2016 THUỘC PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH
CỦA LUẬT ĐẦU THẦU SỐ 43/2013/QH13**

(Kèm theo Báo cáo số 18 /BC-UBDT, ngày 20 tháng 02 năm 2017 của Ủy ban Dân tộc)

Đơn vị: Triệu đồng

LĨNH VỰC VÀ HÌNH THỨC	Dự án quan trọng quốc gia do QH chủ trương đầu tư (1)				Dự án nhóm A (2)				Dự án nhóm B (3)				Dự án nhóm C (4)				Tổng (1 + 2 + 3 + 4)				
	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch	
I. THEO LĨNH VỰC ĐẦU THẦU																					
1. Phi tư vấn	KQM													7	329,84	173,84	156,00	7	329,84	173,84	156,00
2. Tư vấn	QM													22	2.572,00	2.215,60	356,40	22	2.572,00	2.215,60	356,40
3. Mua sắm hàng hóa	KQM													4	124,70	124,70	-	4	124,70	124,70	-
4. Xây lắp	QM																				
5. Hỗn hợp	QM																				
Tổng cộng I														33	3.026,54	2.514,14	512,40	33	3.026,54	2.514,14	512,40
II. THEO HÌNH THỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU																					
1. Rộng rãi (ICS, QCBS, QBS, FBS, LCS, CQS, ICB, NCB...)	Trong nước	KQM																			
	Quốc tế	QM												1	602,00	600,00	2,00	1	602,00	600,00	2,00
2. Hạn chế (LIB...)	Trong nước	KQM																			
	Quốc tế	QM																			
3. Chỉ định thầu (SSS, Direct contracting...)	Trong nước													24	2.023,70	1.680,70	343,00	24	2.023,70	1.680,70	343,00
	Quốc tế																				
4. Chào hàng cạnh tranh (shopping)	Trong nước	KQM												1	71,00	59,60	11,40	1	71,00	59,60	11,40
	Quốc tế	QM																			
5. Mua sắm trực tiếp (repeat order)	Trong nước													7	329,84	173,84	156,00	7	329,84	173,84	156,00
6. Tự thực hiện (force account)	Trong nước																				
7. Tham gia thực hiện của cộng đồng	Trong nước																				
Tổng cộng II														33	3.026,54	2.514,14	512,40	33	3.026,54	2.514,14	512,40

* Ghi chú:

Phân đối ứng ngân sách nhà nước của các dự án này, đề nghị tổng hợp số liệu vào Biểu 2.1

Nguồn vốn ODA và vay ưu đãi đã được cân đối trong chi thường xuyên, đề nghị tổng hợp số liệu vào Biểu 2.2

KQM: Lựa chọn nhà thầu thông thường (không thực hiện qua mạng)

QM: Lựa chọn nhà thầu qua mạng